

BỘ NGOẠI GIAO
HỌC VIỆN NGOẠI GIAO



THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

Hà Nội, tháng 05 năm 2025



MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	1
1. Tên cơ sở đào tạo.....	1
2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh.....	1
3. Địa chỉ.....	1
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử.....	1
5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh	1
6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin tuyển sinh	1
7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo	1
II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY.....	1
1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển	1
2. Mô tả phương thức tuyển sinh	2
2.1. Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (mã phương thức 301).....	2
2.1.1. Đối tượng xét tuyển thẳng.....	2
2.1.2. Đối tượng ưu tiên xét tuyển.....	3
2.2. Phương thức 2: Xét tuyển kết hợp dựa trên Kết quả học tập THPT và Chứng chỉ quốc tế đối với các thí sinh học chương trình THPT của Việt Nam (mã phương thức 410).....	3
2.2.1. Đối tượng xét tuyển: Ngoài các điều kiện chung theo quy định, thí sinh cần đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:	3
2.2.2. Điểm xét tuyển	4
2.3. Phương thức 3: Xét tuyển đối với thí sinh có Chứng chỉ A-level của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge (Vương quốc Anh) hoặc Bằng tú tài quốc tế IB Diploma (mã phương thức 415)	5
2.3.1. Đối tượng xét tuyển.....	5
2.3.2. Điểm xét tuyển	6
2.4. Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo các tổ hợp môn (A00, A01, C00, D01, D03, D04, DD2, D06, D07, D09, D10, D14, D15) (mã phương thức 100)	6
2.4.1. Đối tượng xét tuyển.....	6
2.4.2. Điểm xét tuyển	7
Bảng quy đổi điểm chứng chỉ quốc tế theo thang điểm 10	8
3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh.....	10
4. Chỉ tiêu tuyển sinh	11
5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Học viện.....	14
6. Tổ chức tuyển sinh	15

6.1. Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (phương thức 1- mục 2.1).....	15
6.2. Đối với thí sinh xét tuyển kết hợp dựa trên kết quả học tập THPT và Chứng chỉ quốc tế (phương thức 2- mục 2.2)	16
6.3. Đối với thí sinh xét tuyển bằng Chứng chỉ A-level của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge (Vương quốc Anh) hoặc Bằng tú tài quốc tế IB Diploma (phương thức 3- mục 2.3).....	17
6.4. Đối với thí sinh đăng ký phương thức xét tuyển dựa trên Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (phương thức 4- mục 2.4).....	18
7. Chính sách ưu tiên	19
7.1. Chính sách ưu tiên chung	19
7.2. Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển.....	19
8. Lệ phí xét tuyển	19
9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh.....	20
10. Các nội dung khác.....	20
10.1. Phương thức đào tạo.....	20
10.2. Chính sách học phí	23
10.3. Chính sách miễn, giảm học phí và học bổng.....	23
10.4. Thông tin liên hệ và giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy	25
11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất.....	26
III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ	30
1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển	30
2. Mô tả phương thức tuyển sinh	30
3. Điểm xét tuyển.....	30
4. Chỉ tiêu tuyển sinh	31
5. Tổ chức tuyển sinh	31
5.1. Thời gian nhận hồ sơ và xét tuyển.....	31
5.2. Thời gian nhập học dự kiến	31
5.3. Quy trình nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển	31
6. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển	32
7. Việc Học viện thực hiện các cam kết đối với thí sinh	32
8. Các nội dung khác.....	33
8.1. Văn bằng.....	33
8.2. Học phí	33
9. Thông tin liên hệ.....	34
10. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất.....	35

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025
(Hình thức đào tạo: Đại học hệ chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên cơ sở đào tạo: HỌC VIỆN NGOẠI GIAO**
- 2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: HQT**
- 3. Địa chỉ: Học viện Ngoại giao, số 69, phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.**
- 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://www.dav.edu.vn>**
- 5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:**
 - Hotline: 0943.482.840 hoặc 0936.018.433
 - Email: tuyensinh2025@dav.edu.vn
- 6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin tuyển sinh:**
<https://www.dav.edu.vn>
- 7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:**
<https://www.dav.edu.vn/tin-tuc-ba-cong-khai/>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT), đối tượng dự tuyển vào Học viện được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức) bao gồm:

- Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương, đáp ứng các điều kiện trong Thông tin tuyển sinh năm 2025 của Học viện.
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.
- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại mục 3 của Thông tin tuyển sinh này.
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự xét tuyển theo quy định.

Đối với các ngành đào tạo có áp dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh, Học viện quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh.

Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, Học viện thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

2.1. Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (mã phương thức 301)

2.1.1. Đối tượng xét tuyển thẳng

a. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình đào tạo do Học viện quy định.

b. Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế các môn thuộc tổ hợp của phương thức dựa trên Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT của Học viện (Toán, Vật Lí, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn) và môn Tin học, thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng được xét tuyển thẳng vào các ngành theo nguyện vọng đăng ký.

c. Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia, thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng được Hội đồng tuyển sinh xem xét đánh giá và xét tuyển thẳng vào các ngành phù hợp với nội dung đề tài dự thi.

d. Căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo, Học viện xem xét, quyết định nhận vào học một trong những trường hợp dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

(i) Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do cơ sở đào tạo quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

(ii) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

(iii) Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

(iv) Thí sinh là người nước ngoài phải đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.1.2. Đối tượng ưu tiên xét tuyển

Thí sinh tại **khoản b mục 2.1.1** đoạt giải các môn không thuộc tổ hợp của phương thức dựa trên Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT của Học viện, thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển, được ưu tiên xét tuyển vào các ngành theo nguyện vọng. Thí sinh cần đáp ứng thêm điều kiện: đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Học viện quy định (*chi tiết xem tại mục 3*).

2.2. Phương thức 2: Xét tuyển kết hợp dựa trên Kết quả học tập THPT và Chứng chỉ quốc tế¹ đối với các thí sinh học chương trình THPT của Việt Nam (mã phương thức 410)

2.2.1. Đối tượng xét tuyển: Ngoài các điều kiện chung theo quy định, thí sinh cần đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Có điểm trung bình chung kết quả học tập của 06 học kỳ (tất cả các môn học) lớp 10, 11, 12 đạt từ 8.0 trở lên;

- Có một trong các Chứng chỉ quốc tế còn giá trị sử dụng tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển sau đây:

- **Tiếng Anh:** IELTS Academic từ 6.0 trở lên, hoặc TOEFL iBT từ 60 trở lên, hoặc PTE-A từ 46 điểm trở lên, hoặc các Chứng chỉ Cambridge English Qualifications từ 169 điểm trở lên, hoặc SAT² từ 1200 điểm trở lên, hoặc ACT³ từ 23 điểm trở lên.
- **Tiếng Pháp:** từ DELF-B1 trở lên hoặc TCF tout public (5 bài thi: nghe hiểu, cấu trúc ngữ pháp, đọc hiểu, viết, nói) đạt xếp loại chung từ B1 trở lên.
- **Tiếng Trung Quốc:** từ HSK 4 (mức điểm từ 260) trở lên.
- **Tiếng Hàn Quốc:** từ Topik 3 trở lên.
- **Tiếng Nhật Bản:** từ JLPT N3 trở lên.
- **Tiếng Đức⁴:** Từ DSH 1; hoặc Goethe-Zertifikat B1; hoặc ÖSDZertifikat B1; hoặc TELC B1; hoặc DSD I B1 trở lên

¹ Chứng chỉ quốc tế bao gồm: Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế hoặc Bài thi chuẩn hóa năng lực quốc tế theo quy định của Học viện.

² Thí sinh thi SAT cần đăng ký mã của Học viện Ngoại giao với tổ chức thi SAT là **7488**.

³ Thí sinh thi ACT cần đăng ký mã của Học viện Ngoại giao với tổ chức thi ACT là **8268**.

⁴ Thí sinh sử dụng chứng chỉ quốc tế tiếng Đức để xét tuyển, nếu trúng tuyển sẽ lựa chọn học một trong các Ngoại ngữ 1 đang được đào tạo tại Học viện Ngoại giao.

Lưu ý:

- Nếu thí sinh có các Chứng chỉ quốc tế không được liệt kê ở trên, Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét và quyết định.
- Học viện không chấp nhận các chứng chỉ có hình thức thi “home edition”.

2.2.2. Điểm xét tuyển

- Công thức tính điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển (tối đa bằng 30) = Tổng điểm đạt được + Điểm ưu tiên của Bộ GD&ĐT (nếu có)

Trong đó:

*** Tổng điểm đạt được = M1 + M2 + M3 + Điểm khuyến khích của Học viện (nếu có)**

- **M1:** Điểm quy đổi Chứng chỉ quốc tế theo thang điểm 10 (chọn 01 chứng chỉ quốc tế có điểm quy đổi cao nhất trong số các ngoại ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn, Tiếng Đức *(chi tiết xem Bảng 1)*);

- **M2:** Điểm kết quả học tập THPT môn Toán hoặc môn Ngữ Văn;

- **M3:** Điểm kết quả học tập THPT 01 môn bất kỳ (không phải môn Ngoại ngữ và khác M2) có trong các tổ hợp của phương thức dựa trên Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT của Học viện. Cụ thể các môn: Ngữ Văn, Toán, Vật lí, Hóa học, Lịch sử, Địa lí *(chi tiết xem Bảng 3)*;

[Điểm M2 hoặc M3 = (Điểm TB cả năm lớp 10 + Điểm TB cả năm lớp 11 + Điểm TB cả năm lớp 12 của môn tương ứng)/3]

- **Điểm khuyến khích theo quy định của Học viện:** áp dụng cho các thí sinh đạt giải học sinh giỏi bậc THPT *(chi tiết xem Bảng 4)*;

*** Điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:** bao gồm điểm ưu tiên theo đối tượng và điểm ưu tiên theo khu vực, được xác định theo Quy chế tuyển sinh hiện hành. Chính sách ưu tiên khu vực chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 và 2025.

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm đạt được từ 22,5 trở lên được xác định theo công thức:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.}$

2.3. Phương thức 3: Xét tuyển đối với thí sinh có Chứng chỉ A-level của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge (Vương quốc Anh) hoặc Bằng tú tài quốc tế IB Diploma⁵ (mã phương thức 415)

2.3.1. Đối tượng xét tuyển: Ngoài các điều kiện chung theo quy định, thí sinh cần đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Có Chứng chỉ A-level của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge (Vương quốc Anh) với từng môn đạt từ điểm D trở lên; hoặc Bằng tú tài quốc tế IB Diploma với tổng điểm đạt từ 30 trở lên;

- Có một trong các Chứng chỉ quốc tế¹ còn giá trị sử dụng tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển sau đây:

- **Tiếng Anh:** IELTS Academic từ 6.0 trở lên, hoặc TOEFL iBT từ 60 trở lên, hoặc PTE-A từ 46 điểm trở lên, hoặc các Chứng chỉ Cambridge English Qualifications từ 169 điểm trở lên, hoặc SAT² từ 1200 điểm trở lên, hoặc ACT³ từ 23 điểm trở lên.
- **Tiếng Pháp:** từ DELF-B1 trở lên hoặc TCF tout public (5 bài thi: nghe hiểu, cấu trúc ngữ pháp, đọc hiểu, viết, nói) xếp loại chung từ B1 trở lên.
- **Tiếng Trung Quốc:** từ HSK 4 (mức điểm từ 260) trở lên.
- **Tiếng Hàn Quốc:** từ Topik 3 trở lên.
- **Tiếng Nhật Bản:** từ JLPT N3 trở lên.
- **Tiếng Đức⁴:** Từ DSH 1; hoặc Goethe-Zertifikat B1; hoặc ÖSDZertifikat B1; hoặc TELC B1; hoặc DSD I B1 trở lên

Lưu ý:

- Nếu thí sinh có các Chứng chỉ quốc tế không được liệt kê ở trên, Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét và quyết định.

- Học viện không chấp nhận các chứng chỉ có hình thức thi “home edition”.

⁵ Thí sinh cần thực hiện thủ tục công nhận văn bằng tương đương tại cơ quan có thẩm quyền.

¹ Chứng chỉ quốc tế bao gồm: Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế hoặc Bài thi chuẩn hóa năng lực quốc tế theo quy định của Học viện.

² Thí sinh thi SAT cần đăng ký mã của Học viện Ngoại giao với tổ chức thi SAT là **7488**.

³ Thí sinh thi ACT cần đăng ký mã của Học viện Ngoại giao với tổ chức thi ACT là **8268**.

⁴ Thí sinh sử dụng chứng chỉ quốc tế tiếng Đức để xét tuyển, nếu trúng tuyển sẽ lựa chọn học một trong các Ngoại ngữ 1 đang được đào tạo tại Học viện Ngoại giao.

2.3.2. Điểm xét tuyển

- Công thức tính điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển (tối đa bằng 30) = Tổng điểm đạt được + Điểm ưu tiên của Bộ GD&ĐT (nếu có)

Trong đó:

*** Tổng điểm đạt được = M1 + M2 + M3 + Điểm khuyến khích của Học viện (nếu có)**

- **M1:** Điểm quy đổi Chứng chỉ quốc tế theo thang điểm 10 (chọn 01 chứng chỉ quốc tế có điểm quy đổi cao nhất trong số các ngoại ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn, Tiếng Đức *(chi tiết xem Bảng 1)*;

- **M2:** Điểm quy đổi theo thang điểm 10 môn Toán hoặc môn Văn học trong Chứng chỉ A-level hoặc Bằng tú tài quốc tế IB Diploma *(chi tiết xem Bảng 2)*;

- **M3:** Điểm quy đổi theo thang điểm 10 của 01 môn bất kỳ (không phải môn Ngoại ngữ và khác M2) trong Chứng chỉ A-level hoặc Bằng tú tài quốc tế IB Diploma *(chi tiết xem Bảng 2)*.

- **Điểm khuyến khích theo quy định của Học viện:** áp dụng cho các thí sinh đạt giải học sinh giỏi bậc THPT *(chi tiết xem Bảng 4)*;

*** Điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:** bao gồm điểm ưu tiên theo đối tượng và điểm ưu tiên theo khu vực, được xác định theo Quy chế tuyển sinh hiện hành. Chính sách ưu tiên khu vực chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 và 2025.

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm đạt được từ 22,5 trở lên được xác định theo công thức:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5]$ x Mức điểm ưu tiên theo quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.4. Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo các tổ hợp môn (A00, A01, C00, D01, D03, D04, DD2, D06, D07, D09, D10, D14, D15) (mã phương thức 100)

2.4.1. Đối tượng xét tuyển

Ngoài các điều kiện chung theo quy định, thí sinh phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Tham dự Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức,

không có môn thi nào trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ **1.0 (một)** điểm trở xuống.

* Đối với phương thức xét tuyển này Học viện không sử dụng kết quả điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi tốt nghiệp THPT, kỳ thi THPT quốc gia các năm trước để xét tuyển; không cộng điểm ưu tiên thí sinh có chứng chỉ nghề.

2.4.2. Điểm xét tuyển

- Công thức tính điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển (tối đa bằng 30) = Tổng điểm đạt được + Điểm ưu tiên của Bộ GD&ĐT (nếu có)

Trong đó:

*** Tổng điểm đạt được = M1 + M2 + M3 + Điểm khuyến khích của Học viện (nếu có)**

- **M1, M2, M3**: là điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển của Học viện (*chi tiết xem Bảng 3*);

Lưu ý⁶: Đối với các tổ hợp xét tuyển có môn Ngoại ngữ, điểm môn Ngoại ngữ của thí sinh khi xét tuyển vào Học viện theo phương thức này có thể được xét theo 1 trong 2 cách:

1. Sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 môn Ngoại ngữ tương ứng trong tổ hợp xét tuyển theo quy định của Học viện (*chi tiết xem Bảng 3*); hoặc:

2. Thay thế điểm thi môn Ngoại ngữ trong tổ hợp bằng điểm quy đổi từ Chứng chỉ quốc tế theo quy định của Học viện (*chi tiết xem Bảng 1*).

Học viện chấp nhận chứng chỉ quốc tế không trùng với ngoại ngữ trong tổ hợp gốc. Ví dụ: Thí sinh có thể dùng chứng chỉ tiếng Hàn Topik để quy đổi điểm ngoại ngữ thay thế cho môn Tiếng Anh trong tổ hợp D01, D09,

Thí sinh cần nộp Chứng chỉ quốc tế về Học viện theo hướng dẫn tại *mục 6.4*. Khi xét tuyển, hệ thống sẽ tự động đối chiếu và lựa chọn phương án điểm có lợi hơn cho thí sinh.

- **Điểm khuyến khích theo quy định của Học viện**: áp dụng cho các thí sinh đạt giải học sinh giỏi bậc THPT (*chi tiết xem Bảng 4*);

* **Điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo**: bao gồm điểm ưu tiên theo đối tượng và điểm ưu tiên theo khu vực, được xác định theo Quy chế tuyển sinh hiện hành. Chính sách ưu tiên khu vực chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT

⁶ Thí sinh cần nghiên cứu Khoản 2, Điều 39 Quy chế thi tốt nghiệp THPT về việc miễn thi môn Ngoại ngữ trong xét tốt nghiệp THPT.

năm 2024 và 2025.

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm đạt được từ 22,5 trở lên được xác định theo công thức:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.}$$

Bảng 1
Bảng quy đổi điểm chứng chỉ quốc tế theo thang điểm 10

Chứng chỉ quốc tế					Quy đổi theo thang điểm 10
1. Tiếng Anh	IELTS	Cambridge English Scale	TOEFL iBT	PTE-A	
	6.0	169 - 175	60 - 78	46-55	8.0
	6.5	176 - 184	79 - 93	56-65	8.5
	7.0	185 - 190	94 - 101	66-75	9.0
	7.5	191 - 199	102 - 109	76-83	9.5
	8.0	200 - 204	110 - 114	84-88	10
	8.5	205 - 208	115 - 117	89-90	10
	9.0	209 - 230	118 - 120	N/A	10
2. Tiếng Pháp	TCF tout public (05 bài thi: nghe hiểu, cấu trúc ngữ pháp, đọc hiểu, viết, nói)		DELF/DALF		
	Xếp loại chung B1		DELF-B1		8.5
	Xếp loại chung B2 (Score QCM 400-460)		DELF-B2 (Score 50-69)		9.0
	Xếp loại chung B2 (Score QCM 461-499)		DELF-B2 (Score 70-100)		9.5
	Xếp loại chung C1/C2		DALF-C1/C2		10
3. Tiếng Trung Quốc	HSK4 (Mức điểm từ 260 - 300)				8.0
	HSK5 (Mức điểm từ 180 - 219)				8.5
	HSK5 (Mức điểm từ 220 - 259)				9.0
	HSK5 (Mức điểm từ 260 - 300)				9.5
	HSK6 (Mức điểm từ 180 - 239)				10
	HSK6 (Mức điểm từ 240 - 300)				10
4. Tiếng Nhật Bản	JLPT N3 (Mức điểm dưới 130)				8.0
	JLPT N3 (Mức điểm từ 130)				8.5
	JLPT N2 (Mức điểm dưới 130)				9.0
	JLPT N2 (Mức điểm từ 130)				9.5
	JLPT N1 (Mức điểm dưới 130)				10
	JLPT N1 (Mức điểm từ 130)				10

Chứng chỉ quốc tế							Quy đổi theo thang điểm 10
5. Tiếng Hàn Quốc	Topik 3 (Mức điểm từ 135 - 149)						8.0
	Topik 4 (Mức điểm từ 150 - 169)						8.5
	Topik 4 (Mức điểm từ 170 - 189)						9.0
	Topik 5 (Mức điểm từ 190 - 209)						9.5
	Topik 5 (Mức điểm từ 210 - 229)						10
	Topik 6 (Mức điểm từ 230 - 300)						10
6. Tiếng Đức	DSH	TestDaF (TDN)	Goethe-Zertifikat	DSD	TELC	ÖSD Zertifikat	
	DSH 1		B1	DSD I (B1)	B1	B1	8.5
		TND 3	B2 (272-335)		B2 (180-227)	B2 (180-227)	9.0
			B2 (>335)	DSD II (B2)	B2 (>227)	B2 (>227)	9.5
	DSH 2,3	TND 4,5	Từ C1	DSD II (C1)	Từ C1	Từ C1	10
7. Chứng chỉ quốc tế	SAT			ACT			
	1200 - 1240			23 - 24			7.5
	1250 - 1290			25 - 26			8.0
	1300 - 1340			27 - 28			8.5
	1350 - 1390			29 - 30			9.0
	1400 - 1440			31 - 32			9.5
	1450 - 1490			33 - 34			10
	1500 - 1600			35 - 36			10

Bảng 2

Bảng quy đổi điểm các môn trong Chứng chỉ A-level/ Bằng tú tài quốc tế IB Diploma theo thang điểm 10

	Điểm trên chứng chỉ/bằng	Quy đổi theo thang điểm 10
1. Chứng chỉ A-level	A*	10
	A	9.5
	B	9.0
	C	8.0
	D	7.0

	Điểm trên chứng chỉ/bằng	Quy đổi theo thang điểm 10
2. Bằng tú tài quốc tế IB Diploma	7	10
	6	9.5
	5	9.0
	4	8.0

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- **Ngưỡng đầu vào:** Học viện sẽ công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó:

- Đối với thí sinh Ưu tiên xét tuyển (*phương thức 1- mục 2.1.2*), thí sinh xét tuyển kết hợp dựa trên Kết quả học tập THPT và Chứng chỉ quốc tế (*phương thức 2- mục 2.2*), thí sinh xét tuyển dựa trên Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (*phương thức 4- mục 2.4*): Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được xác định dựa trên tổng điểm của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển bất kỳ của Học viện trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

Lưu ý: Thí sinh có thể sử dụng điểm quy đổi Chứng chỉ quốc tế theo quy định của Học viện để tính ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

- Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2025 đăng ký xét tuyển theo *phương thức 2 - mục 2.2*: Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được áp dụng theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Học viện tại năm thí sinh tốt nghiệp.
- Đối với thí sinh sử dụng Chứng chỉ A-level của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge (Vương quốc Anh) hoặc Bằng tú tài quốc tế IB Diploma (*phương thức 3- mục 2.3*): Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được xác định dựa trên tổng điểm xét tuyển sau khi quy đổi (dự kiến là 24 điểm).

- Điểm trúng tuyển

+ Điểm trúng tuyển của tất cả các phương thức xét tuyển được quy về thang điểm 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân. Trong đó, điểm cộng (nếu có) bao gồm điểm khuyến khích của Học viện và điểm ưu tiên của Bộ GD&ĐT không quá 03 điểm và tổng điểm xét tuyển không quá 30 điểm.

+ Học viện sẽ thực hiện quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các phương thức, các tổ hợp xét tuyển theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Thời gian Học viện công bố quy tắc quy đổi tương đương theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT, muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

- Nguyên tắc xét tuyển

+ Xét tuyển theo ngành đào tạo, theo nguyên tắc lấy điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu. Thí sinh được xét bình đẳng theo điểm xét tuyển, không phân biệt thứ tự của nguyện vọng đăng ký, trừ trường hợp các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì Học viện sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển (*chi tiết xem tại khoản a mục 5*). Thí sinh chỉ được trúng tuyển vào nguyện vọng cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký;

+ Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển theo các phương thức khác nhau nếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định;

+ Thí sinh được đăng ký không giới hạn nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

4. Chỉ tiêu tuyển sinh - Bảng 3

Mã xét tuyển	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn xét tuyển theo phương thức thi tốt nghiệp THPT												
					A00	A01	C00	D01	D03	D04	DD2	D06	D07	D09	D10	D14	D15
HQT01	Quan hệ quốc tế	7310206	460	- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT - Phương thức 2: Xét tuyển kết hợp dựa trên Kết quả học tập THPT và Chứng chỉ quốc tế. - Phương thức 3: Xét tuyển đối với thí sinh có Chứng chỉ A-level hoặc Bằng tú tài quốc tế IB Diploma - Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025.	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
HQT02	Ngôn ngữ Anh	7220201	200			✓		✓					✓	✓	✓	✓	✓
HQT03	Kinh tế quốc tế	7310106	260		✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		
HQT04	Luật quốc tế	7380108	200		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
HQT05	Truyền thông quốc tế	7320107	460		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
HQT06	Kinh doanh quốc tế	7340120	260		✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		
HQT07	Luật thương mại quốc tế	7380109	200		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
HQT08	Châu Á - Thái Bình Dương học	7310631	160														
HQT08-01	Hàn Quốc học		40		✓	✓	✓	✓			✓		✓	✓	✓	✓	✓
HQT08-02	Hoa Kỳ học		40		✓	✓	✓	✓					✓	✓	✓	✓	✓
HQT08-03	Nhật Bản học		40		✓	✓	✓	✓				✓	✓	✓	✓	✓	✓
HQT08-04	Trung Quốc học		40		✓	✓	✓	✓		✓			✓	✓	✓	✓	✓
TỔNG			2200														

Trong đó:

Tổ hợp A00: Toán, Vật lí, Hóa học	Tổ hợp D01: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh	Tổ hợp D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh
Tổ hợp A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Tổ hợp D03: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Pháp	Tổ hợp D09: Toán, Lịch sử, Tiếng Anh
Tổ hợp C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Tổ hợp D04: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Trung	Tổ hợp D10: Toán, Địa lí, Tiếng Anh
	Tổ hợp D06: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Nhật	Tổ hợp D14: Ngữ Văn, Lịch sử, Tiếng Anh
	Tổ hợp DD2: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Hàn	Tổ hợp D15: Ngữ Văn, Địa lí, Tiếng Anh

*(*Lưu ý: các tổ hợp xét tuyển có thể thay đổi theo năm tuyển sinh)*

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Học viện

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Trong trường hợp tại ngưỡng điểm đánh giá hồ sơ xét tuyển ĐẠT của từng ngành đào tạo có số lượng thí sinh nhiều hơn số chỉ tiêu, Học viện sử dụng tiêu chí phụ theo thứ tự lần lượt như sau:

- *Tiêu chí phụ thứ nhất:* Kết quả điểm

+ Đối với ngành Kinh tế quốc tế và Kinh doanh quốc tế: sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 môn Toán.

+ Đối với các ngành khác:

* Sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 môn Ngoại ngữ hoặc điểm quy đổi từ Chứng chỉ quốc tế theo quy định của Học viện.

* Trường hợp tổ hợp xét tuyển không có môn Ngoại ngữ hoặc các thí sinh có điểm thi môn Ngoại ngữ hoặc điểm quy đổi Chứng chỉ quốc tế bằng nhau, sẽ xét đến điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 môn Ngữ văn.

- *Tiêu chí phụ thứ hai:* Nguyên vọng đăng ký của thí sinh trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b. Điểm cộng khuyến khích theo quy định của Học viện

Đối với các phương thức (2), (3), (4) thí sinh được cộng điểm khuyến khích theo quy định của Học viện nếu đạt giải trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp THPT, cụ thể như sau:

Bảng 4
Bảng điểm cộng khuyến khích

<i>Quy định chung:</i> - Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia thuộc đối tượng xét tuyển theo phương thức Xét tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, không thuộc đối tượng nhận điểm khuyến khích ở mục này; - Chỉ áp dụng với các môn thuộc tổ hợp xét tuyển của Học viện (Toán, Vật Lí, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn) và môn Tin học; - Thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển; - Trường hợp đoạt nhiều giải, thí sinh chỉ được hưởng một mức điểm cộng khuyến khích cao nhất.		
STT	Đối tượng/Thành tích	Điểm khuyến khích
1	Đoạt giải Khuyến khích/ Giải Tư trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức (Nội dung đề tài dự thi của thí sinh được Hội đồng tuyển sinh đánh giá là phù hợp).	0.8
2	Đoạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố, hoặc các kỳ thi học sinh giỏi do các đơn vị sau tổ chức và cấp giấy chứng nhận hợp lệ: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, Đại học Huế, Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, Đại học Vinh; Trường phổ thông Vùng cao Việt Bắc.	
	Giải Nhất	0.6
	Giải Nhì	0.4
	Giải Ba	0.2

6. Tổ chức tuyển sinh

Học viện Ngoại giao xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh chung năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.1. Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (phương thức 1- mục 2.1):

* Hồ sơ gồm có:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (thí sinh tải Phiếu trên Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện và thực hiện theo hướng dẫn);

- Bản sao được chứng thực:

- Giấy chứng nhận đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế; hoặc Giấy chứng nhận thuộc đối tượng xét tuyển thẳng khác;
- Học bạ THPT và Hộ khẩu thường trú đối với thí sinh thuộc đối tượng (ii) và (iii) tại điểm (d) thuộc mục 2.1.1.

** Thời gian và hình thức nộp hồ sơ:*

Thí sinh thực hiện đăng ký xét tuyển đầy đủ theo 02 bước:

- Bước 1: Từ ngày 25/6 đến trước 17h00 ngày 30/6/2025 đăng ký xét tuyển **trực tuyến** trên Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện tại địa chỉ website: <https://xettuyen.dav.edu.vn> (*chi tiết xem Hướng dẫn đăng ký tại Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện*).

- Bước 2: Từ ngày 16/7 đến trước 17h00 ngày 28/7/2025 xác nhận trúng tuyển hoặc đăng ký nguyện vọng trên hệ thống Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia).

Lưu ý: Thí sinh thuộc đối tượng *được xét tuyển thẳng vào các ngành theo nguyện vọng đăng ký thi* KHÔNG đăng ký xét tuyển ở các phương thức khác.

6.2. Đối với thí sinh xét tuyển kết hợp dựa trên kết quả học tập THPT và Chứng chỉ quốc tế (phương thức 2- mục 2.2):

** Hồ sơ gồm có:*

- Phiếu đăng ký xét tuyển (thí sinh tải Phiếu trên Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện và thực hiện theo hướng dẫn);

- Bản sao được chứng thực:

- Chứng chỉ quốc tế hoặc Phiếu kết quả thi được chuyển từ đơn vị tổ chức thi tới Hội đồng tuyển sinh Học viện Ngoại giao;
- Học bạ THPT;
- Các giấy tờ chứng minh thí sinh thuộc đối tượng khuyến khích theo quy định của Học viện (*chi tiết xem Bảng 4*);
- Các giấy tờ ưu tiên khác theo quy định của Bộ GDĐT (nếu có).

** Thời gian và hình thức nộp hồ sơ:*

Thí sinh thực hiện đăng ký xét tuyển đầy đủ theo 02 bước:

- Bước 1: Từ ngày 25/6 đến trước 17h00 ngày 05/7/2025 đăng ký xét tuyển **trực tuyến** trên Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện tại địa chỉ website: <https://xettuyen.dav.edu.vn> (*chi tiết xem Hướng dẫn đăng ký tại Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện*).

- Bước 2: Từ ngày 16/7 đến trước 17h00 ngày 28/7/2025 đăng ký xét tuyển trực tuyến trên hệ thống Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia).

6.3. Đối với thí sinh xét tuyển bằng Chứng chỉ A-level của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge (Vương quốc Anh) hoặc Bằng tú tài quốc tế IB Diploma (phương thức 3- mục 2.3):

** Hồ sơ gồm có:*

- Phiếu đăng ký xét tuyển (thí sinh tải Phiếu trên Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện và thực hiện theo hướng dẫn);

- Bản sao được chứng thực:

- Chứng chỉ quốc tế hoặc Phiếu kết quả thi được chuyển từ đơn vị tổ chức thi tới Hội đồng tuyển sinh Học viện Ngoại giao;
- Chứng chỉ A-level hoặc Bằng tú tài quốc tế IB Diploma;⁴
- Học bạ THPT được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền;
- Các giấy tờ chứng minh thí sinh thuộc đối tượng khuyến khích theo quy định của Học viện (*chi tiết xem Bảng 4*);
- Các giấy tờ ưu tiên khác theo quy định của Bộ GDĐT (nếu có).

** Thời gian và hình thức nộp hồ sơ:*

Thí sinh thực hiện đăng ký xét tuyển đầy đủ theo 02 bước:

- Bước 1: Từ ngày 25/6 đến trước 17h00 ngày 05/7/2025 đăng ký xét tuyển **trực tuyến** trên Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện tại địa chỉ website: <https://xettuyen.dav.edu.vn> (*chi tiết xem Hướng dẫn đăng ký tại Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện*).

- Bước 2: Từ ngày 16/7 đến trước 17h00 ngày 28/7/2025 đăng ký xét tuyển trực tuyến trên hệ thống Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia).

⁴ Thí sinh cần thực hiện thủ tục công nhận văn bằng tương đương tại cơ quan có thẩm quyền.

6.4. Đối với thí sinh đăng ký phương thức xét tuyển dựa trên Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (phương thức 4- mục 2.4):

Thí sinh KHÔNG đăng ký xét tuyển tại Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện, mà đăng ký xét tuyển trên hệ thống Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia) theo hướng dẫn của trường THPT và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thời gian và hình thức đăng ký: Theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Dự kiến từ ngày 16/7 đến trước 17h00 ngày 28/7/2025 trên hệ thống Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia).

Riêng thí sinh có nguyện vọng sử dụng điểm quy đổi từ Chứng chỉ quốc tế theo quy định của Học viện để thay thế điểm môn Ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển, cần nộp bản sao được chứng thực Chứng chỉ quốc tế (hoặc Phiếu kết quả thi được chuyển từ đơn vị tổ chức thi tới Hội đồng tuyển sinh Học viện Ngoại giao) về Học viện để làm căn cứ xét tuyển:

Hình thức nộp: trực tuyến tại Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện tại địa chỉ website: <https://xettuyen.dav.edu.vn> (chi tiết xem Hướng dẫn tại Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện). *Thời gian nộp:* từ ngày 25/6 đến trước 17h00 ngày 05/7/2025.

LƯU Ý CHUNG:

- Thí sinh cung cấp đầy đủ và đảm bảo về tính chính xác của tất cả thông tin và các giấy tờ minh chứng xét tuyển. Kết quả xét tuyển được đưa ra dựa trên thông tin hồ sơ thí sinh cung cấp. Sau quá trình hậu kiểm, Học viện bảo lưu quyền thay đổi kết quả xét tuyển nếu phát hiện ra sai sót, nhầm lẫn trong hồ sơ thí sinh cung cấp.

- Ngoài việc đăng ký theo quy định của Học viện, tất cả thí sinh đăng ký xét tuyển vào Học viện cần thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kế hoạch tuyển sinh có thể thay đổi tùy thuộc vào hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đề nghị thí sinh thường xuyên theo dõi trên các trang thông tin điện tử chính thức của Học viện để được cập nhật.

- Trong quá trình đăng ký xét tuyển tại Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện tại địa chỉ website: <https://xettuyen.dav.edu.vn>, nếu thí sinh có thắc mắc hoặc gặp các vấn đề

liên quan đến kỹ thuật có thể liên hệ bộ phận tuyển sinh của Học viện theo thông tin tại mục 10.4 để được hỗ trợ.

- Tổ chức đăng ký và xét tuyển bổ sung (nếu có): Từ ngày 07/09/2025.

7. Chính sách ưu tiên

7.1. Chính sách ưu tiên chung

Học viện áp dụng chính sách ưu tiên chung theo khu vực và đối tượng tại Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7.2. Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển

Học viện thực hiện xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế tuyển sinh của Học viện (mục 2.1).

8. Lệ phí xét tuyển

- Đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (phương thức 4): Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với các phương thức (1), (2), (3):

➤ Mức thu lệ phí:

- 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng) cho nguyện vọng đầu tiên.
- 20.000 đồng (Hai mươi ngàn đồng) cho mỗi nguyện vọng tiếp theo.

➤ Phương thức thu lệ phí: Chuyển khoản qua mã thanh toán/Quét QR thanh toán:

+ Tên tài khoản: Học viện Ngoại giao

+ Số tài khoản: Mã thanh toán của thí sinh trên hệ thống (thí sinh xem hướng dẫn thanh toán trên hệ thống)

+ Ngân hàng: BIDV chi nhánh Tràng An

+ Nội dung chuyển khoản: Họ và tên thí sinh [khoảng trắng] Mã thanh toán của thí sinh trên hệ thống

Ví dụ: Sinh viên Nguyễn Văn A có mã thanh toán trên hệ thống là 010904829. Nội dung chuyển khoản là: Nguyen Van A 010904829

* Lưu ý: Sau khi đóng lệ phí xét tuyển, thí sinh cần kiểm tra lại để đảm bảo đã đóng lệ phí đúng quy định và được hệ thống thông báo ghi nhận thí sinh đã hoàn thành đóng lệ phí. Đến thời điểm kết thúc đăng ký, nếu thí sinh không đóng lệ phí xét tuyển hoặc thực hiện không đúng dẫn đến hệ thống không ghi nhận đã đóng lệ phí xét tuyển, xem như thí sinh từ bỏ việc đăng ký xét tuyển trên hệ thống của Học viện.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Học viện cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong trường hợp rủi ro theo pháp luật hiện hành của nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Học viện.

10. Các nội dung khác

10.1. Phương thức đào tạo

Với 65 năm truyền thống phát triển vững vàng, Học viện Ngoại giao không ngừng đổi mới phương pháp giáo dục, đặt mục tiêu trang bị kiến thức, kỹ năng và phẩm chất toàn diện cho người học, nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao hướng tới chuẩn khu vực và quốc tế. Cụ thể như sau:

- Chương trình đào tạo: tiên tiến, cập nhật, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động. Các học phần được thiết kế sáng tạo theo đặc thù của từng ngành, bao gồm: lý thuyết, thực hành và thực tế. Chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành tại Học viện được thông tin chi tiết tại trang thông tin điện tử chính thức của Học viện. Cụ thể như sau:

- Ngành Quan hệ quốc tế: <https://dav.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan-nganh-quan-he-quoc-te-16086/>
- Ngành Ngôn ngữ Anh: <https://dav.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan-nganh-ngon-ngu-anh-16159/>
- Ngành Kinh tế quốc tế: <https://dav.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan-nganh-kinh-te-quoc-te-16153/>
- Ngành Luật quốc tế: <https://dav.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan-nganh-luat-quoc-te-16156/>
- Ngành Truyền thông quốc tế: <https://dav.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan-nganh-truyen-thong-quoc-te-16151/>
- Ngành Kinh doanh quốc tế: <https://dav.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan-nganh-kinh-doanh-quoc-te/>
- Ngành Luật thương mại quốc tế: <https://dav.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan-nganh-luat-thuong-mai-quoc-te/>
- Ngành Châu Á - Thái Bình Dương học: <https://dav.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan-nganh-chau-a-thai-binh-duong/>

* Chương trình đào tạo các ngành được định kỳ đánh giá, điều chỉnh nhằm cập nhật và đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động.

- Đội ngũ giảng viên:

- Phần lớn đội ngũ giảng viên được đào tạo tại các trường đại học hàng đầu thế giới. Bên cạnh đó, giảng viên còn là các nhà ngoại giao với nhiều kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực đối ngoại và hội nhập quốc tế.
- Đội ngũ cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm nhiệt tình tư vấn và giải đáp các thắc mắc của sinh viên về học tập cũng như định hướng nghề nghiệp.

- Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo: Giảng đường, phòng học đa năng, đa phương tiện được trang bị thiết bị hiện đại, Thư viện điện tử với nguồn học liệu trong nước và nước ngoài.

- Chương trình hỗ trợ học tập:

- Hoạt động hỗ trợ học tập dành cho sinh viên được tổ chức chuyên nghiệp, hình thức phong phú như tọa đàm chuyên đề cùng các chuyên gia, diễn giả uy tín, giàu kinh nghiệm; tham quan thực tế, giao lưu trong nước và quốc tế,...
- Hoạt động nghiên cứu khoa học: Sinh viên được tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học; tham gia các hoạt động bồi dưỡng kiến thức và nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học; tham gia các hội nghị, hội thảo và các diễn đàn khoa học; các cuộc thi ý tưởng, dự án khởi nghiệp; tham gia Câu lạc bộ nghiên cứu khoa học; hỗ trợ các đề tài nghiên cứu của Viện Biển Đông và Viện Nghiên cứu Chiến lược Ngoại giao tại Học viện Ngoại giao; được tham gia các cuộc thi trong nước và quốc tế nhằm khơi dậy tiềm năng trong nghiên cứu và học tập.
- Hoạt động hợp tác quốc tế: Sinh viên được tham dự các hoạt động hỗ trợ các hội nghị, hội thảo quốc tế quan trọng có quy mô lớn được tổ chức tại Việt Nam, tham gia trao đổi học thuật và trao đổi sinh viên theo các Chương trình thỏa thuận giữa Học viện Ngoại giao và các trường đại học đối tác tại nước ngoài.

- Học phần Ngoại ngữ tại Học viện:

- Ngoại ngữ 1: là học phần bắt buộc. Sinh viên được lựa chọn một trong các ngoại ngữ sau: tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Pháp hoặc tiếng Trung Quốc và được xếp lớp theo trình độ (nếu đáp ứng yêu cầu về quy mô lớp học).
- Ngoại ngữ 2: là học phần tự chọn (có tính vào kết quả học tập). Sinh viên được lựa chọn một trong các ngoại ngữ sau: tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Hàn,

tiếng Nhật, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha hoặc tiếng Trung Quốc và được xếp lớp theo trình độ (nếu đáp ứng yêu cầu về quy mô lớp học).

Trong trường hợp sinh viên không có nguyện vọng/ không đáp ứng điều kiện học Ngoại ngữ 2, sinh viên cần học bổ sung Ngoại ngữ 1 với thời lượng tương ứng.

- Đối với ngành Ngôn ngữ Anh: Sinh viên học Ngoại ngữ 1 là tiếng Anh, Ngoại ngữ 2 (bắt buộc) là ngoại ngữ khác. Đối với ngành Châu Á - Thái Bình Dương học, sinh viên học Ngoại ngữ 1 phù hợp với chuyên ngành đã lựa chọn (tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Nhật hoặc tiếng Trung Quốc).
- Đối với ngành Châu Á - Thái Bình Dương học và Luật thương mại quốc tế: Sinh viên có nguyện vọng đăng ký học Ngoại ngữ 2 đóng học phí theo quy định của Học viện và được xếp lớp theo trình độ (nếu đáp ứng yêu cầu về quy mô lớp học).

- Chương trình đào tạo song bằng: Sinh viên được đăng ký học chương trình đào tạo thứ hai nếu có nguyện vọng và đáp ứng yêu cầu về học tập. Khi tốt nghiệp, sinh viên được cấp 02 bằng tốt nghiệp, 02 bảng điểm của 02 ngành.

- Chương trình hướng nghiệp/ Thực tập: Sinh viên có cơ hội được định hướng nghề nghiệp ngay từ năm thứ nhất, thứ hai; được giới thiệu thực tập tại Bộ Ngoại giao, Bộ Công thương, các Sở Ngoại vụ, các tổ chức, doanh nghiệp, tập đoàn, cơ quan thông tấn báo chí, các Đại sứ quán và tổ chức quốc tế tại Việt Nam, các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài; được ưu tiên giới thiệu cơ hội nghề nghiệp phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc có cơ hội được tuyển dụng làm giảng viên, nghiên cứu viên của Học viện, Bộ Ngoại giao, các Ban, Bộ, ngành Trung ương và địa phương.

- Chương trình trao đổi sinh viên: Sinh viên có cơ hội tham gia các chương trình trao đổi sinh viên hàng kỳ và ngắn hạn tại các trường đại học đối tác của Học viện như Đại học Sungshin (Hàn Quốc), Đại học Gunma (Nhật Bản), Đại học Wakagama (Nhật Bản), Đại học Laval (Canada), Đại học Chulalongkorn (Thái Lan), Đại học Victoria Wellington (New Zealand), Đại học New South Wales (Úc), Đại học Monash (Úc), ĐH Macquarie (Úc), Đại học Flinders (Úc), Đại học MGIMO (Liên bang Nga), Đại học Fulbright (Việt Nam),...

- Cơ hội việc làm: Sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ có cơ hội làm việc tại các Ban, Bộ, ngành; các tổ chức quốc tế; các cơ quan đại diện nước ngoài ở Việt Nam; các hãng thông tấn báo chí; các doanh nghiệp trong và ngoài nước;... *(xem chi tiết tại chương trình*

đào tạo các ngành được đăng tải trên website của Học viện: <https://www.dav.edu.vn>)

10.2. Chính sách học phí

Chính sách học phí được Học viện Ngoại giao thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021. Cụ thể mức học phí đối với các ngành như sau:

STT	Ngành đào tạo	Mức học phí (đồng/tháng/sinh viên)
1	Quan hệ quốc tế	4.500.000
2	Ngôn ngữ Anh	4.500.000
3	Kinh tế quốc tế	4.500.000
4	Luật quốc tế	4.500.000
5	Truyền thông quốc tế	4.500.000
6	Kinh doanh quốc tế	4.500.000
7	Châu Á - Thái Bình Dương học	3.600.000
8	Luật thương mại quốc tế	3.400.000

* Mức tăng học phí hàng năm không quá 10%.

10.3. Chính sách miễn, giảm học phí và học bổng

10.3.1. Chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập dành cho sinh viên thuộc diện gia đình chính sách

Học viện Ngoại giao thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 và Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021.

Lưu ý: Mức học phí cơ sở để tính miễn giảm là mức trần học phí xác định theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 và Nghị định 97/2023/NĐ-CP. Theo đó, mức học phí mà sinh viên được miễn giảm sẽ được tính trên mức trần học phí quy định tại các Nghị định nêu trên.

- Đối tượng được miễn, giảm học phí: Căn cứ Điều 14, 15, 16, 18 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021.

- Cơ chế miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ đóng học phí: Căn cứ Điều 20 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021.

- Mức học phí được miễn giảm: Căn cứ Khoản 2 Điều 11 Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 và Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023.

- Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học; và Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

10.3.2. Các chương trình học bổng dành cho sinh viên

Nhằm khuyến khích tinh thần học tập, nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng của sinh viên, Học viện Ngoại giao triển khai nhiều chương trình học bổng dành cho sinh viên có thành tích xuất sắc, cũng như các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, vươn lên trong học tập.

Danh sách các chương trình học bổng đang được triển khai tại Học viện bao gồm:

(i) Học bổng dành cho Thủ khoa đầu vào của Học viện: nhằm vinh danh sinh viên có điểm trúng tuyển cao nhất theo các phương thức xét tuyển tại *mục 2.2 và 2.4 của Thông tin tuyển sinh* đối với từng ngành đào tạo. Sinh viên đạt học bổng sẽ được trao Giấy khen của Giám đốc Học viện và nhận 10.000.000 đồng/suất, được xét sau khi sinh viên nhập học chính thức.

(ii) Học bổng Khuyến khích học tập và Rèn luyện được xét sau mỗi học kỳ, dựa trên kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên ở học kỳ đó. Căn cứ theo Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020, Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2024 và Quyết định số 35/QĐ-HVNG ngày 11/1/2024, học bổng Khuyến khích học tập và Rèn luyện được xét lần lượt từ trên xuống dưới theo từng loại Xuất sắc, Giỏi, Khá, cho đến hết số suất học bổng đã được xác định dựa trên ngân sách của từng năm học.

(iii) Học bổng Khuyến học Nguyễn Cơ Thạch: dành cho sinh viên có thành tích học tập xuất sắc, tích cực trong các hoạt động ngoại khóa và có tố chất lãnh đạo. Học bổng có giá trị từ 5.000.000 đồng - 30.000.000 đồng/suất, là một trong những học bổng danh giá nhất của Học viện.

(iv) Học bổng Chắp cánh tương lai: dành cho sinh viên năm nhất có hoàn cảnh khó khăn, đạt kết quả học tập tốt. Học bổng hỗ trợ một phần chi phí học tập trong năm học đầu tiên, giúp sinh viên ổn định và phát triển trong môi trường đại học. Mức học bổng áp dụng trong năm học 2024 - 2025 là 80% học phí năm học đầu tiên tại Học viện.

(v) Học bổng Thắp sáng Ước mơ: dành cho sinh viên năm 2, 3, 4 có hoàn cảnh khó khăn nhưng có thành tích học tập tốt và ý chí vươn lên. Giá trị và số suất học bổng được

xác định theo từng năm học. Mức học bổng áp dụng trong năm học 2024 – 2025 có giá trị từ 20.000.000 đồng - 30.000.000đ tùy theo từng trường hợp.

(vi) Học bổng Hữu nghị Việt – Trung do Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam tài trợ: dành cho sinh viên học Tiếng Trung Quốc có thành tích học tập tốt hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập, với trị giá 10.000.000 đồng/suất.

(vii) Học bổng CSR “Chung tay chia sẻ” 2024 do Hiệp hội doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam – KOCHAM tài trợ: dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và kết quả học tập đạt loại Giỏi trở lên, với trị giá là 10.000.000 đồng/suất.

(viii) Học bổng Nâng bước tài năng trẻ do Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước – SCIC tài trợ: dành cho sinh viên năm thứ 4 có hoàn cảnh khó khăn, đạt kết quả học tập xuất sắc, tích cực trong các hoạt động ngoại khóa với trị giá 10.000.000 đồng/suất.

(viv) Học bổng Khuyến khích học tập dành cho lưu học sinh Lào: dành cho sinh viên quốc tịch Lào có thành tích học tập xuất sắc tại Học viện. Học bổng có ba mức (Khá, Giỏi, Xuất sắc), với giá trị từ 100% - 150% mức trần học phí/tháng của ngành đào tạo.

Lưu ý:

- Điều kiện, số lượng và các mức học bổng được quyết định dựa vào nguồn kinh phí hằng năm của Học viện và được triển khai phù hợp với các quy định của Nhà nước và Học viện.

- Các học bổng (i), (ii), (iii), (iv), (v), (viv): được quy định cụ thể trong Quyết định số 35/QĐ-HVNG ngày 11/01/2024 của Giám đốc Học viện.

- Các học bổng (vi), (vii), (viii): phụ thuộc vào chính sách tài trợ của đối tác và có thể điều chỉnh theo từng năm.

10.4. Thông tin liên hệ và giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy

Thí sinh muốn biết thêm thông tin tuyển sinh của Học viện Ngoại giao hoặc thông tin về các ngành đào tạo, đề nghị liên hệ: Phòng Đào tạo Đại học, Học viện Ngoại giao, Số 69, Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

- Hotline: 0943.482.840 hoặc 0936.018.433

- Email: tuyensinh2025@dav.edu.vn

- Website: <https://www.dav.edu.vn>

- Fanpage: Tư vấn Tuyển sinh Học viện Ngoại giao

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

					Năm 2024								Năm 2023							
TT	Mã xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển					
							TH A00	TH A01; D01; D07	TH D06	TH D03	TH D04	TH C00			TH A00	TH A01; D01; D07	TH D06	TH D03	TH D04	TH C00
			Lĩnh vực nhân văn																	
	HQT02	7220201	Ngôn ngữ Anh		200	183							230	224						
				100				35.38								35.99				
				200				22.93								26.81				
			Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi																	
	HQT03	7310106	Kinh tế quốc tế		260	215							265	223						
				100			25.47	26.47	25.47	25.47	25.47				25.76	26.76	25.76	25.76	25.76	
				200			22.55	23.55	22.55	22.55	22.55				26.87	27.87	26.87	26.87	26.87	
				412											25.83					
	HQT01	7310206	Quan hệ quốc tế		460	386							500	411						
				100				26.76	25.76	25.76	25.76	28.76				26.8	25.8	25.8	25.8	28.3
				200				23.25	22.25	22.25	22.25	24.25				28.0	27.0	27.0	27.0	29.0
				412			16.92								22.5					

					Năm 2024								Năm 2023							
TT	Mã xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển					
							TH A00	TH A01; D01; D07	TH D06	TH D03	TH D04	TH C00			TH A00	TH A01; D01; D07	TH D06	TH D03	TH D04	TH C00
	HQT08	7310631	Châu Á - Thái Bình Dương học		160	149							160	163						
	HQT08-01		Hàn Quốc học		40								40							
				100				26.83				28.83				26.7				28.2
				200				22.12				23.12				26.6				27.6
	HQT08-02		Hoa Kỳ học		40								40							
								26.55				28.55				26.4				27.9
								21.94				22.94				26.25				27.25
	HQT08-03		Nhật Bản học		40								40							
				100				26.73	25.73			28.73				26.27	25.27			27.77
				200				21.93	20.93			22.93				26.46	25.46			27.46
				412											25.33					
	HQT08-04		Trung Quốc học		40								40							
				100				27.2			26.2	29.2				26.92			25.92	28.42
				200				22.66			21.66	23.66				27.51			26.51	28.51

					Năm 2024								Năm 2023							
TT	Mã xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển					
							TH A00	TH A01; D01; D07	TH D06	TH D03	TH D04	TH C00			TH A00	TH A01; D01; D07	TH D06	TH D03	TH D04	TH C00
			Lĩnh vực Báo chí và thông tin																	
	HQT05	7320107	Truyền thông quốc tế		460	436							475	418						
				100				27.05	26.05	26.05	26.05	29.05				26.96	25.96	25.96	25.96	28.46
				200				23.74	22.74	22.74	22.74	24.74				29.00	28.00	28.00	28.00	30.00
				412			18.00													
			Lĩnh vực kinh doanh và quản lý																	
	HQT06	7340120	Kinh doanh quốc tế		260	217							260	235						
				100			25.6	26.6	25.6	25.6	25.6				25.8	26.8	25.8	25.8	25.8	
				200			22.82	23.82	22.82	22.82	22.82				27.13	28.13	27.13	27.13	27.13	
				412			17.58								27.00					
			Lĩnh vực pháp luật																	
	HQT04	7380108	Luật quốc tế		200	193							255	241						
				100				26.55	25.55	25.55	25.55	28.55				26.52	25.52	25.52	25.52	28.02
				200				22.36	21.36	21.36	21.36	23.36				26.55	25.55	25.55	25.55	27.55
				412			20.83													

					Năm 2024								Năm 2023							
TT	Mã xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển					
							TH A00	TH A01; D01; D07	TH D06	TH D03	TH D04	TH C00			TH A00	TH A01; D01; D07	TH D06	TH D03	TH D04	TH C00
	HQT07	7380109	Luật thương mại quốc tế		200	173							135	130						
				100				26.37	25.37	25.37	25.37	28.37				26.7	25.7	25.7	25.7	28.2
				200				22.31	21.31	21.31	21.31	23.31				26.75	25.75	25.75	25.75	27.75

(Lưu ý: Xem chi tiết công thức tính điểm theo từng phương thức trong Đề án tuyển sinh năm 2023, 2024)

III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Tốt nghiệp chương trình THPT ở Việt Nam; hoặc tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam;
- Có chứng chỉ quốc tế còn giá trị sử dụng tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển (Đạt IELTS Academic từ 5.5 trở lên (không có kỹ năng nào dưới 5.0) hoặc TOEFL iBT từ 46 trở lên) hoặc các chứng chỉ tương đương khác.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Phương thức xét tuyển: Đánh giá hồ sơ và phỏng vấn.

3. Điểm xét tuyển

- Điểm xét tuyển bao gồm:

- (1) Điểm Phỏng vấn;
- (2) Điểm bài luận;
- (3) Điểm Chứng chỉ quốc tế (quy đổi).

- Công thức tính điểm xét tuyển: Điểm xét tuyển = M1 + M2 + M3

Trong đó: M1: là điểm Phỏng vấn (50%).

M2: là điểm bài luận (20%).

M3: là điểm Chứng chỉ quốc tế (quy đổi) (30%).

- Điểm xét tuyển được tính trên thang điểm 30, cụ thể như sau:

$$\text{Điểm xét tuyển} = [(M1 \times 50\%) + (M2 \times 20\%) + (M3 \times 30\%)] \times 3$$

Thí sinh sẽ được xét theo thứ tự từ cao xuống thấp đến khi đạt đủ chỉ tiêu.

Bảng quy đổi Chứng chỉ quốc tế

Chứng chỉ quốc tế		Quy đổi theo thang điểm 10
IELTS	TOEFL iBT	
5.5	46 - 59	7.5
6.0	60 - 78	8.0
6.5	79 - 93	8.5
7.0	94 - 101	9.0
7.5	102 - 109	9.5
8.0	110 - 114	10
8.5	115 - 117	10
9.0	118 - 120	10

Lưu ý: Nếu thí sinh có các Chứng chỉ quốc tế không được liệt kê ở trên, Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét và quyết định.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.	Chương trình liên kết với ĐH Victoria Wellington (New Zealand)	Quan hệ quốc tế, Khoa học chính trị, Truyền thông	25	Đánh giá hồ sơ và phỏng vấn	
2.	Chương trình liên kết với ĐH Monash; ĐH Macquaire (Úc)	Kinh doanh quốc tế	30	Đánh giá hồ sơ và phỏng vấn	
3.	Chương trình liên kết với ĐH Monash; ĐH Macquaire (Úc)	Truyền thông	35	Đánh giá hồ sơ và phỏng vấn	
4	Chương trình liên kết với ĐH Flinders (Úc)	Ngôn ngữ	10	Đánh giá hồ sơ và phỏng vấn	

5. Tổ chức tuyển sinh

5.1. Thời gian nhận hồ sơ và xét tuyển

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày đến 15/04/2025 ngày 15/06/2025.
- Thời gian công bố kết quả: Dự kiến trước ngày 20/07/2025.

Lưu ý: Thời gian nhận hồ sơ các đợt tiếp theo sẽ công bố sau ngày 21/07/2025.

5.2. Thời gian nhập học dự kiến

- Đợt 1: Tháng 09/2025 (đợt 1)
- Đợt bổ sung (nếu có): Tháng 01/2026 và tháng 05/2026.

5.3. Quy trình nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ, gồm có:

- Phiếu đăng ký xét tuyển vào Chương trình liên kết đào tạo năm 2025 theo mẫu của Học viện Ngoại giao **tại đây**;
- Bài luận dự tuyển.

Bản sao chứng thực:

- Chứng chỉ quốc tế;
- Học bạ THPT hoặc kết quả học tập THPT có xác nhận của trường THPT (nếu chưa có học bạ THPT);
- Bằng tốt nghiệp THPT (nếu có): Trong trường hợp thí sinh tốt nghiệp tại các trường THPT nước ngoài hoặc các trường quốc tế tại Việt Nam, Bằng tốt nghiệp phải được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền.

Bước 2: Nộp trực tiếp trong giờ hành chính (sáng: 08h30 - 11h30, chiều: từ 14h00 - 17h00) tại phòng 419, nhà D, Học viện Ngoại giao hoặc gửi hồ sơ bằng đường bưu điện từ ngày 15/04/2025 đến trước 17h00 ngày 15/06/2025 (tính theo dấu bưu điện) đến địa chỉ: Chương trình liên kết đào tạo, Học viện Ngoại giao, Số 69, Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

- Hotline: 0339 866 406 - 0904 509 769

- Email: lienketdaotaohvng@dav.edu.vn

- Fanpage: Chương trình liên kết đào tạo - Học viện Ngoại giao

6. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

- Mức thu lệ phí: 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng)
- Phương thức thu lệ phí: Chuyển khoản qua tài khoản
 - Tên tài khoản: Học viện Ngoại giao
 - Số tài khoản: 26110001366868
 - Nội dung chuyển khoản: **Họ và tên thí sinh.cccd.lephixettuyen.lkdt** (*Thí sinh cần ghi đúng nội dung cú pháp nộp tiền như hướng dẫn để tránh sai sót khi tra soát hồ sơ*)

Ví dụ: Nguyễn Văn A.123456789.lephixettuyen_lkdt

* *Lưu ý:* Thí sinh cần gửi kèm trong hồ sơ chứng từ chuyển khoản ngân hàng (nếu nộp qua quầy giao dịch ngân hàng) hoặc bản in chụp màn hình chuyển khoản lệ phí xét tuyển.

7. Việc Học viện thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Học viện cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong trường hợp rủi ro theo pháp luật hiện hành của nhà nước, theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Học viện.

8. Các nội dung khác

8.1. Văn bằng

- Bằng Cử nhân ngành Quan hệ quốc tế, ngành Khoa học Chính trị, ngành Truyền thông do trường Đại học Victoria Wellington (New Zealand) cấp.

- Bằng Cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế, ngành Truyền thông do Đại học Monash (Úc) cấp.

- Bằng Cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế, ngành Truyền thông do trường Đại học Macquarie (Úc) cấp.

- Bằng Cử nhân ngành Ngôn ngữ do trường Đại học Flinders (Úc) cấp.

Sinh viên Chương trình liên kết được cấp bằng Cử nhân quốc tế hoàn toàn giống như sinh viên học toàn thời gian tại Đại học Victoria Wellington, Đại học Monash, Đại học Macquarie và Đại học Flinders và được công nhận toàn cầu.

8.2. Học phí

8.2.1. Chương trình liên kết với Đại học Victoria Wellington (New Zealand)

- Học viện Ngoại giao (1,5 năm): 19.200.000 đồng/1 môn x 9 môn = 172.800.000 đồng.

- Đại học Victoria Wellington (1,5 năm): 5,560 NZD/1 môn x 9 môn = 50,040 NZD ~ 748.211.760 đồng.

8.2.2. Chương trình liên kết với ĐH Monash (Úc)

- Ngành Kinh doanh quốc tế:

➤ Học viện Ngoại giao (01 năm): 17.500.000 đồng/1 môn x 10 môn = 175.000.000 đồng.

➤ Đại học Monash (02 năm): 6,525 AUD/1 môn x 16 môn = 104,400 AUD ~ 1.774.800.000 đồng.

- Ngành Truyền thông:

➤ Học viện Ngoại giao (1,5 năm): 17.500.000 đồng/1 môn x 13 môn = 227.500.000 đồng

➤ Đại học Monash (1,5 năm): 4,875 AUD/1 môn x 12 môn = 58,500 AUD ~ 994.500.000 đồng.

8.2.3. Chương trình liên kết với ĐH Macquarie (Úc)

- Ngành Kinh doanh quốc tế:

- Học viện Ngoại giao (01 năm): 17.500.000 đồng/1 môn x 10 môn = 175.000.000 đồng.
- Đại học Macquarie (02 năm): 5,630.75 AUD/1 môn x 16 môn = 90,092 AUD ~ 1.531.564.000 đồng.

- Ngành Truyền thông:

- Học viện Ngoại giao (1,5 năm): 17.500.000 đồng/1 môn x 13 môn = 227.500.000 đồng
- Đại học Macquarie (1,5 năm): 4,737.5 AUD/1 môn x 12 môn = 56,850 AUD ~ 966.450.000 đồng.

8.2.4. Chương trình liên kết với ĐH Flinders (Úc)

- Học viện Ngoại giao (1 năm): 6.300.000 đồng/1 môn x 14 môn = 88.200.000 đồng.
- Đại học Flinders (2 năm): 4,225 AUD/1 môn x 16 môn = 67,600 AUD ~ 1.080.000.000 đồng.

Lưu ý: Tỷ giá có thể thay đổi khi sinh viên chuyển tiếp, tỷ giá tạm quy đổi: (1USD ~ 23.000 VND, 1 AUD ~ 16.000 VND, 1 NZD ~15.000 VND).

9. Thông tin liên hệ

- Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://jtp.dav.edu.vn/>
- Hotline: 0339 866 406 - 0904 509 769
- Email: lienketdaotaohvng@dav.edu.vn
- Fanpage: Chương trình liên kết đào tạo - Học viện Ngoại giao

10. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1.	Chương trình liên kết với ĐH Victoria Wellington	Quan hệ quốc tế, Khoa học chính trị, Truyền thông	Đánh giá hồ sơ và phỏng vấn	30	23	18/30	40	13	18/30	
2.	Chương trình liên kết với ĐH Monash; ĐH Macquaire	Kinh doanh quốc tế		30	18	18/30	30	12	18/30	
3.	Chương trình liên kết với ĐH Monash; ĐH Macquaire	Truyền thông		40	25	18/30	30	21	18/30	
4	Chương trình liên kết với ĐH Flinders	Ngôn ngữ								

Cán bộ tuyển sinh:

- ThS. Trần Thị Linh Đa
 - SĐT: 0943.482.840
 - Email: tuyensinh2025@dav.edu.vn

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2025

Q. GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TS. Nguyễn Hùng Sơn

